| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 749/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày: 25 - 6 - 2025<br>V/v yêu cầu công nhận đã cấp dưỡng nuôi con một lần; yêu cầu chia lợi nhuận kinh doanh; yêu cầu trả tiền lãi suất; yêu cầu xin lỗi công khai” | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Chu Thị Bình

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2/ Ông Phan Minh Thanh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Mỹ Linh - *Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.*

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1137/2024/TLST-HNGD ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: “yêu cầu công nhận đã cấp dưỡng nuôi con một lần, yêu cầu chia lợi nhuận kinh doanh, yêu cầu trả tiền lãi suất và yêu cầu xin lỗi công khai” Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông Đ H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số g đường Q, Phường M, quận G, Thành phố A

*(Có mặt)*

*Bị đơn:* Bà N M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số h đường A, khu dân cư V, phường B, quận B, Thành phố A

*(Vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2024, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà M N trình bày:

Bà M và ông Đ H thuận tình ly hôn theo quyết định số 1534/2022/QĐST-HNGD ngày 21/09/2022 của Tòa án nhân dân quận G ban hành. Theo quyết định con chung P, sinh ngày 22/8/2021 giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng nay do kinh tế khó khăn, không có công việc ổn định và phải thuê nhà sinh sống. Vì vậy bà yêu cầu ông Đ H cấp dưỡng nuôi con cho con chung Văn Minh Phúc mỗi tháng là 7.000.000 đồng.

*** Ông H trình bày theo đơn phản tố, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa như sau:**

- Ông H không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho con chung P là 7.000.000 đồng/một tháng, yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà M.

- Ông H yêu cầu Tòa án công nhận ông đã cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền 275.000.000 đồng. Cụ thể khi còn sống chung ông H và bà M đã bỏ ra 550.000.000 đồng (Bao gồm 150.000.000 đồng là tiền đặt cọc thuê khách sạn và 400.000.000 đồng là tiền mua trang thiết bị), dó đó phần của ông đóng góp là ½ số tiền trên.

- Ông H yêu cầu bà M N chia cho ông 50% lợi nhuận hoạt động kinh doanh nhà nghỉ tại địa chỉ h đường A, khu dân cư V, phường B, quận B, Thành phố A, vì từ khi hoạt động kinh doanh đến nay ông chưa nhận tiền lợi nhuận hoạt động kinh doanh lần nào. Ông H trình bày một ngày kinh doanh thu nhập khoảng 3.000.000 đồng, một tháng khoảng 90.000.000 đồng, trử các chi phí còn lại khoảng 40.000.000 đồng. Số tiền lợi nhuận ông H dự tính đến ngày xét xử 48 tháng là 1.920.000.000 đồng nên phần của ông được chia là 960.000.000 đồng. Trong các lần hòa giải và làm việc tại Tòa ông H yêu cầu công nhận cho ông số tiền lợi nhuận này là ông đã cấp dưỡng nuôi con chung một lần và bà M không đòi hỏi thêm.

- Do bà M chậm chia tiền lợi nhuận kinh doanh khách sạn cho ông nên bà M phải trả tiền lãi đối với phần lợi nhuận chậm thanh toán cụ thể: Tính theo lãi suất ngân hàng Agribank hiện nay mỗi tháng tiền gửi lãi suất 1,7%/tháng. Vậy tiền lãi ông H tính được của 48 tháng là 399.840.000 đồng. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi bà M phải chia cho ông H là 1.359.840.000 đồng .

Tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu bà M chia lợi nhuận cho ông trong đó 700.000.000 đồng bà M trả cho ông, số còn lại 659.840.000 đồng là tiền ông H cấp dưỡng nuôi con một lần.

- Ông H yêu cầu bà M công khai xin lỗi vì có hành vi vu khống, bịa đặt, đưa thông tin sai lệch không đúng về ông, gây phiền hà, ảnh hưởng uy tín, danh dự, xáo

trộn tâm lý của ông cũng như các thành viên khác trong gia đình, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống hạnh phúc gia đình ông. Ông H còn đề nghị, nếu thấy hành vi của bà M đủ yếu tố cấu thành tội hình sự thì đề nghị chuyên hồ sơ qua cơ quan công an để xử lý hình sự với bà M về tội vu khống, bịa đặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Bà M N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà M N yêu cầu ông Đ H cấp dưỡng nuôi con. Do đó trong vụ kiện này ông Đ H trở thành nguyên đơn, bị đơn là bà M N.

Đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu của ông H gồm:

1. Ông H yêu cầu Tòa án công nhận ông đã cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền 275.000.000 đồng, không có cơ sở chấp nhận.

2. Yêu cầu bà M chia 50% lợi nhuận kinh doanh khách sạn tại địa chỉ h đường A, khu dân cư V, phường B, quận B, Thành phố A, ông H xác định lợi nhuận đến thời điểm xét xử là 48 tháng. Ông H trình bày một ngày kinh doanh thu nhập khoảng 3.000.000 đồng, một tháng khoảng 90.000.000 đồng, trừ các chi phí còn lại khoảng 40.000.000 đồng. Số tiền lợi nhuận ông H tính đến ngày xét xử 48 tháng là 1.920.000.000 đồng nên phần của ông được chia là 960.000.000 đồng, trong những

lần hòa giả và làm việc tại tòa ông H yêu cầu nếu bà M không có tiền trả ông thì công nhận tiền chia lợi nhuận là tiền ông cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của ông H không có cơ sở chấp nhận.

3. Ông H yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền lợi nhuận kinh doanh theo mức lãi suất ông H đưa ra là 1.7%/tháng, ông tính ra tiền lãi 48 tháng là 399.840.000 đồng.

Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi bà M phải chia cho ông H là 960.000.000 đồng + 399.840.000 = 1.359.840.000 đồng. Tại phiên tòa số tiền 1.359.840.000 đồng ông H yêu cầu bà M chia như sau: 700.000.000 đồng bà M trả cho ông, số còn lại 659.840.000 đồng là tiền ông H cấp dưỡng nuôi con một lần, yêu cầu này của ông H không có cơ sở chấp nhận

4. Ông H yêu cầu bà M xin lỗi công khai vì có hành vi vu khống bịa đặt cho ông. Ông H đề nghị chuyển hồ sơ vụ án để xử lý hình sự với bà M là không có căn cứ.

Về án phí: Ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà M N đối với bị đơn là ông Đ H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ tự khai của ông H tại Tòa án và căn cứ phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân quận G ngày 21 tháng 10 năm 2024, kết quả xác minh của Công an Phường M, quận G, Thành phố A cho biết ông Đ H thực tế cư trú tại Số g đường Q, Phường M, quận G, Thành phố A. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, ngày 04 tháng 03 năm 2025 bà M có đơn xin rút đơn khởi kiện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà M N. Ông Đ H có yêu cầu phản tố nên ông H trở thành nguyên đơn trong vụ kiện.

[2] Về nội dung: Căn cứ quyết định thuận tình ly hôn số 1534/2022/QĐST-HNGD ngày 21/09/2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Quyết định thể hiện ông Đ H và bà M N ly hôn, con chung P, sinh ngày 22/8/2021 giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu của ông H gồm:

1. Ông H yêu cầu Tòa án công nhận cho ông đã cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền 275.000.000 đồng. Trong đó ông H trình bày ông và bà M khi còn sống chung đã bỏ ra 550.000.000 đồng (Bao gồm 150.000.000 đồng là tiền đặt cọc khách sạn và 400.000.000 đồng là tiền mua trang thiết bị), dó đó phần của ông đóng góp là ½ số tiền trên nên ông yêu cầu Tòa án công nhận cho ông đã cấp dưỡng nuôi con. Phía bà M khai rằng tiền đặt cọc thuê nhà kinh doanh khách sạn có 100.000.000 đồng là tiền vay của mẹ ông H, khi ly hôn ông H nói tiền đó để ông H tự trả cho mẹ ông H, quá trình làm việc tài Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H cũng thừa nhận tiền này ông H sẽ tự trả cho mẹ ông H coi như ông cho con P. Bà M bức xúc rằng cho dù thế nào thì để mà nuôi một người con không thể gói trong 100.000.000 đồng, việc này còn thể hiện ở thái độ của ông H đối với con, cắt đứt mọi liên lạc với con, không thăm con. Không cho con nhập hộ khẩu, con 3 tuổi đi học vẫn chưa được nhập hộ khẩu khiến cho bà phải về quê ngoại để nhập hộ khẩu cho con, điều này đã tạo ra cho bà một tâm lý rất bức xúc với ông H. Hội đồng xét xử nhận thấy, cả ông H và bà M đều thừa nhận 100.000.000 đồng tiền này cho con, ông H không có chứng cứ nào chứng minh số tiền này là tiền ông H cấp dưỡng nuôi con một lần nên không có cơ sở chấp nhận số tiền 100.000.000 đồng này là tiền ông H cấp dưỡng nuôi con một lần. Còn lại là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) tiền đặt cọc bà M khai là tiền riêng của bà. Hợp đồng thuê nhà nghỉ bà M ký từ 25/5/2021 thời hạn 5 năm đến ngày 31/5/2026, cho đến nay chưa chấm dứt hợp đồng thuê nhà nghỉ của bà M với chủ nhà, nên không có cơ sở xét số tiền 50.000.000 đồng này. Còn đối với số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu) ông H khai vợ chồng bỏ ra để mua trang thiết bị phục vụ cho kinh doanh khách sạn. Bà M khai (BL139- BL140) bà tự bỏ tiền của mình ra là 15.000.000 đồng mua trang thiết bị của một khách sạn cũ, máy lạnh Retech 2.000.000 đồng một cái, tivi cũ hiệu toshiba 1.000.000 đồng một cái, bà đầu tư cho 5 phòng là 15.000.000 đồng. Còn các tài sản khác chăn, ga, gối nệm, giường, ti vi và máy lạnh của một số phòng còn dùng được bà tận dụng sử dụng lại, bà trình bày nhà nghỉ của bà là nhà nghỉ bình dân, giờ đầu 40.000 đồng một giờ và các giờ sau chỉ 10.000 đồng một giờ. Tiền phòng cháy chữa cháy và an ninh trật tự là của chủ nhà có sẵn, bà không phải bỏ ra. Xét lời trình bày của bà M và ông H không trùng khớp với nhau về số tiền bỏ ra mua sắm trang thiết bị đầu tư cho việc kinh doanh khách sạn. Ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nên hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu công nhận ông đã cấp dưỡng nuôi con một lần theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 số tiền 275.000.000 đồng.

2. Đối với yêu cầu bà M chia 50% lợi nhuận kinh doanh nhà nghỉ tại địa chỉ h đường A, khu dân cư V, phường B, quận B, Thành phố A, ông H xác định lợi nhuận

đến thời điểm khởi kiện là 1.640.000.0000 đồng và phần của ông H được chia là 820.000.000 đồng. Trong các lần hòa giải và làm việc tại Tòa ông H yêu cầu công nhận cho ông số tiền lợi nhuận này là ông đã cấp dưỡng nuôi con chung một lần và bà M không đòi hỏi thêm. Tại phiên tòa hôm nay ông H tính thời gian kinh doanh đã được 48 tháng như vậy số tiền lợi nhuận tăng lên là 1.920.000.000 đồng nên phần của ông được chia là 960.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy. Ông H và bà M ly hôn 1534/2022/QĐST-HNGD ngày 21/09/2022, trước đó hai với chồng đã ly thân từ thời điểm năm 2021, từ đó đến nay một mình bà M chịu trách nhiệm kinh doanh nhà nghỉ, ông H không có bất cứ một sự đóng góp nào trong việc quản lý hay bất kỳ một hoạt động nào kinh doanh. Nhưng ông H lại yêu cầu chia ½ lợi nhuận kinh doanh cho mình là không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa bà M trình bày trong suốt thời gian xảy ra dich bệnh covid từ năm 2021 đến một thời gian dài sau đó bà kinh doanh không có lãi thậm chí để duy trình hoạt động bà phải xin chủ nhà giảm bớt tiền thuê, và bà còn phải bù lỗ. Ông H đưa ra con số lợi nhuận hàng tháng là 40.000.000 đồng đây chỉ là con số ước lượng của ông, ông chỉ cung cấp được bản chụp của một vài ngày kinh doanh (không có bản chính đối chiếu) và không cung cấp được toàn bộ sổ sách ghi nhận hoạt động kinh doanh nhà nghỉ. Ông H cũng không trừ đi thời gian dịch bệnh làm ăn lời lỗ như thế nào. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông H không có căn cứ, nên không chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Do không chấp nhận yêu cầu công nhận đã cấp dưỡng nuôi con một lần, và không chấp nhận yêu cầu chia lợi nhuận của ông H nên yêu cầu tính lãi chậm trả 48 tháng, ông H tính ra số tiền lãi là 399.840.000 đồng cũng không được chấp nhận.

Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi ông H yêu cầu bà M phải chia cho ông H là 1.359.840.000 đồng . Cụ thể ông H yêu cầu bà M chia lợi nhuận cho ông trong đó 700.000.000 đồng bà M trả cho ông, số còn lại 659.840.000 đồng là tiền ông H cấp dưỡng nuôi con một lần.

4. Đối với yêu cầu ông H yêu cầu bà M xin lỗi công khai vì có hành vi vu khống bịa đặt cho ông. Và ông H còn đề nghị Hội đồng xét xử hành vi của bà M đủ yếu tố cấu thành tội hình sự thì đề nghị chuyên hồ sơ qua cơ quan Công an để xử lý hình sự với bà M về tội vu khống, bịa đặt. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông H đều xuất phát từ mâu thuẫn trong gia đình, giữa quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ với con. Tất cả cũng chỉ là những lời nói qua nói lại giữa hai bên, ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, bà M cũng chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản hay xử phạt về gì về hành vi này. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu

của ông H buộc bà M xin lỗi công khai và chuyển hồ sơ qua cơ quan Công an xử lý hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Đối với yêu cầu của bà M N về cấp dưỡng nuôi con do bà M rút đơn nên đình chỉ. Bà M được miễn tiền tạm ứng áp phí và được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Do ông H không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên ông phải chịu án phí như sau:

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu bà M xin lỗi công khai là 300.000 đồng. Ông H cấn trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0056714 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm 13.750.000 đồng đối với yêu cầu Tòa án công nhận đã cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền 275.000.000 đồng. Ông H được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 6.875.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0057961 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp án phí bổ sung 6.875.000 đồng.

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm 40.800.000 đồng đối với yêu cầu bà M chia lợi nhuận kinh doanh nhà nghỉ cho ông số tiền là 960.000.000 đồng. Ông H được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 18.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0056598 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp án phí bổ sung 22.500.000 đồng.

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm 19.992.000 đồng đối với yêu cầu bà M phải trả tiền lãi suất là 399.840.000 đồng, Ông H được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 7.318.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0056715 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp án phí bổ sung 12.673.500 đồng.

Về ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà M N yêu cầu ông Đ H cấp dưỡng nuôi con.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Đ H:

1. Không chấp nhận ông H đã cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền 275.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận ông H yêu cầu bà M chia 50% lợi nhuận kinh doanh nhà nghỉ tại địa chỉ h đường A, khu dân cư V, phường B, quận B, Thành phố A, ông H xác định lợi nhuận đến thời điểm xét xử 48 tháng là 1.920.000.000 đồng nên phần của ông được chia là 960.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền lợi nhuận kinh doanh bà M chậm thanh toán 48 tháng, số tiền lãi là 399.840.000 đồng.

Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi ông H yêu cầu bà M phải chia cho ông H là 1.359.840.000 đồng. Cụ thể ông H yêu cầu bà M chia lợi nhuận cho ông trong đó 700.000.000 đồng bà M trả cho ông, số còn lại 659.840.000 đồng là tiền ông H cấp dưỡng nuôi con một lần.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu bà M xin lỗi công khai vì có hành vi vu khống bịa đặt cho ông. Không chấp nhận yêu cầu chuyển hồ sơ xử lý hình sự với bà M.

4. Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu của bà M N về cấp dưỡng nuôi con do bà M rút đơn nên đình chỉ. Bà M được miễn tiền tạm ứng áp phí và được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu bà M xin lỗi công khai là 300.000 đồng. Ông H cấn trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0056714 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm 13.750.000 đồng đối với yêu cầu Tòa án công nhận đã cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền 275.000.000 đồng. Ông H được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 6.875.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0057961 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp án phí bổ sung 6.875.000 đồng.

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm 40.800.000 đồng đối với yêu cầu bà M chia lợi nhuận kinh doanh nhà nghỉ cho ông số tiền là 960.000.000 đồng. Ông H được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 18.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0056598 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp án phí bổ sung 22.500.000 đồng.

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm 19.992.000 đồng đối với yêu cầu bà M phải trả tiền lãi suất là 399.840.000 đồng, Ông H được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 7.318.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0056715 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp án phí bổ sung 12.673.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014).

Ông Đ H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà M N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Bình**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Bình**